

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1090/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững giai đoạn 2022 - 2025, định hướng 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững giai đoạn 2022 - 2025, định hướng 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung sau:

I. ĐỊNH HƯỚNG

1. Nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản trên cơ sở hình thành chuỗi giá trị khai thác thủy sản; thu hút đầu tư phát triển khai thác thủy sản; đẩy mạnh liên kết sản xuất theo hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, tiến bộ kỹ thuật để cơ giới hóa, hiện đại hóa hoạt động khai thác, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị và hiệu quả khai thác. Tăng cường xúc tiến hợp tác khai thác viễn dương và tổ chức đưa ngư dân đi khai thác hải sản ở vùng biển một số nước.

2. Phát triển khai thác thủy sản bền vững trên cơ sở giảm dần về cường lực và tổng sản lượng khai thác phù hợp với tổng sản lượng cho phép khai thác tối đa và cường lực khai thác bền vững; cơ cấu lại đội tàu theo nghề khai thác phù hợp với khả năng cho phép khai thác của nguồn lợi thủy sản theo từng ngư trường; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý

hoạt động của tàu cá trên biển; đảm bảo an toàn cao nhất và giảm thiểu thiệt hại cho người và tàu cá hoạt động khai thác thủy sản; duy trì sự hiện diện thường xuyên của tàu cá và ngư dân trên các ngư trường khai thác, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển bền vững ngành khai thác thủy sản với cơ cấu tàu, nghề phù hợp với khả năng cho phép khai thác của nguồn lợi thủy sản; sản xuất an toàn, hiệu quả kinh tế cao, nâng cao đời sống ngư dân, góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Cắt giảm 10% hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi so với năm 2020; xác định sản lượng cho phép khai thác theo loài đối với nghề khai thác cá ngừ đại dương.

- 100% các tỉnh, thành phố ven biển xác định hạn ngạch tàu cá khai thác vùng biển ven bờ, vùng lộng thuộc phạm vi quản lý.

- 100% tàu cá hoạt động vùng khơi lắp đặt thiết bị giám sát hành trình theo quy định và được cung cấp bản tin dự báo ngư trường phục vụ khai thác thủy sản hiệu quả.

- Các địa phương xây dựng được ít nhất 03 mô hình, dự án thí điểm thuộc một trong những dự án, mô hình về: (i) Chợ đầu mối, chợ bán đấu giá hải sản gắn với các cảng cá, trung tâm nghề cá của vùng, khu vực; (ii) Mô hình liên kết chuỗi khai thác - thu mua - bảo quản - tiêu thụ hải sản; (iii) Mô hình gắn khai thác, dịch vụ nghề cá với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn tại cảng cá, làng chài, làng nghề truyền thống ven biển.

- Thực hiện giám sát 100% sản lượng thủy sản khai thác và nguyên liệu hải sản nhập khẩu.

- 100% tàu cá được kiểm tra cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.

- Hoàn thiện và cập nhật, khai thác và quản lý hiệu quả Cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFishbase) trên toàn quốc; xây dựng và triển khai mô hình quản trị số hoạt động khai thác thủy sản ở Việt Nam.

b) Đến năm 2030

- Có cơ cấu đội tàu, nghề khai thác và tổng sản lượng thủy sản khai thác phát triển phù hợp với Quy hoạch Bảo vệ và Khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Có tàu cá đi khai thác viễn dương và khai thác hợp pháp tại vùng biển của các quốc gia, vùng lãnh thổ theo thỏa thuận hợp tác nghề cá.

- Tàu cá sử dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến trong khai thác và bảo quản sản phẩm đạt 50%; tổn thất sau thu hoạch trung bình giảm xuống dưới 10%.

- Phân đầu mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất 01 chợ đầu mối, chợ bán đầu giá hải sản gắn với các cảng cá, trung tâm nghề cá của vùng, khu vực hoặc mô hình liên kết chuỗi khai thác - thu mua - bảo quản - tiêu thụ hải sản/mô hình gắn khai thác, dịch vụ nghề cá với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn tại cảng cá, làng chài, làng nghề truyền thống ven biển.

- Duy trì tốc độ tăng trưởng giá trị khai thác thủy sản bình quân đạt 1,5%/năm, thu nhập trung bình của lao động khai thác thủy sản tăng gấp 2,5 lần so với năm 2020.

- Chấm dứt nghề khai thác hủy diệt nguồn lợi, ảnh hưởng môi trường sinh thái biển.

- 100% thuyền trưởng tàu cá vùng khơi được tập huấn định kỳ các quy định trong nước và quốc tế về khai thác thủy sản; 60% lao động khai thác thủy sản được hướng dẫn các kỹ năng, quy trình kỹ thuật khai thác, đảm bảo an toàn trên biển.

- Tai nạn tàu cá giảm xuống dưới 01 vụ/1.000 tàu/năm.

III. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Tổ chức lại khai thác thủy sản theo hướng phát triển bền vững

- Điều chỉnh cơ cấu nghề khai thác thủy sản phù hợp với nguồn lợi thủy sản, sản lượng cho phép khai thác trên từng ngư trường; xác định nghề khai thác cần cắt giảm, lộ trình cắt giảm và chỉ tiêu cắt giảm cho từng địa phương thực hiện.

- Tổ chức, sắp xếp lại tàu thuyền khai thác thủy sản vùng biển ven bờ và vùng lộng theo quy hoạch của ngành và của từng địa phương.

- Chuyển đổi các nghề khai thác hải sản xâm hại, ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái, sử dụng nhiều nhiên liệu sang các nghề ít xâm hại nguồn lợi và môi trường sinh thái, sử dụng ít nhiên liệu, ít nguồn lực hơn, hoặc chuyển sang lĩnh vực khác ngoài khai thác để từng bước cân bằng lại cường lực khai thác phù hợp với khả năng phục hồi tái tạo của nguồn lợi thủy sản.

- Thúc đẩy đàm phán hợp tác khai thác thủy sản giữa Việt Nam và các nước, các tổ chức quản lý nghề cá khu vực, đồng thời tiếp tục nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách để tổ chức đưa tàu cá và ngư dân đi khai thác thủy sản viễn dương và vùng đặc quyền kinh tế của các nước theo thỏa thuận hợp tác nghề cá.

2. Phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và chế biến, tiêu thụ sản phẩm

- Tổ chức, hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở thu mua, tiêu thụ sản phẩm thủy sản tham gia tích cực, phát huy vai trò, nâng cao trách nhiệm xã hội, cùng chia sẻ lợi ích với ngư dân trong chuỗi giá trị sản xuất khai thác thủy sản để nâng cao giá trị sản phẩm thủy sản khai thác. Khuyến khích, vận động thành lập Hội, Hiệp hội thương lái, nậu vừa tại địa phương.

- Xây dựng, phát triển các mô hình liên kết, liên doanh, gắn kết các khâu trong quá trình sản xuất, từ khai thác, bảo quản đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm phù hợp với từng nghề, từng địa phương.

- Tiếp tục thúc đẩy tiêu thụ, nâng cao giá trị sản phẩm thủy sản khai thác tại thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu.

- Xây dựng các mô hình chuyển đổi nghề, phát triển du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng nghề cá ven biển phù hợp với đặc thù của địa phương góp phần bảo tồn, phát huy giá trị truyền thống, nhất là bản sắc văn hóa của các vùng miền ven biển, tạo sinh kế thay thế cho các nghề khai thác thủy sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường từng bước tạo việc làm ổn định, nâng cao mức sống của cộng đồng ngư dân, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái vùng ven biển gắn với xây dựng nông thôn mới.

3. Tăng cường quản lý hoạt động khai thác thủy sản

- Tăng cường kiểm tra, giám sát quản lý tàu cá theo hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản trên biển theo Luật Thủy sản 2017.

- Tăng cường kiểm soát, xử lý nghiêm đối với các tàu cá “3 không”: không đăng ký, không giấy phép khai thác, không đăng kiểm. Xử lý nghiêm các vi phạm trong lĩnh vực khai thác thủy sản nhất là đối với các tàu cá vi phạm khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU); đánh bắt sai vùng, sai tuyến.

- Tăng cường hơn nữa công tác giám sát, quản lý đối với hoạt động sửa chữa, đóng mới, cải hoán tàu cá, nhất là các doanh nghiệp sửa chữa, đóng mới cải hoán tàu cá liên vùng.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung các quy định về cấm khai thác, tạm ngừng khai thác có thời hạn, vùng cấm khai thác, cấm theo nghề tại một số vùng biển, khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống, nơi cư trú của các loài thủy sản.

- Hoàn thiện, củng cố nâng cao năng lực thực thi pháp luật thủy sản. Tiếp tục nghiên cứu, thành lập lực lượng Kiểm ngư phù hợp với tình hình của mỗi địa phương.

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động tàu khai thác thủy sản trước khi đi biển, hoạt động trên ngư trường, về cảng lên cá và tiêu thụ. Áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác từ nhật ký khai thác thủy sản điện tử, hệ thống quản lý tổng hợp cảng cá, hệ thống theo dõi tàu cá ra vào cảng.

- Thúc đẩy mạnh mẽ việc cải cách, đổi mới toàn diện công tác quản lý cảng cá đảm bảo nâng cao năng lực dịch vụ sản xuất, quản lý nghề cá tại cảng cá, giám sát tàu cá và sản lượng khai thác bốc dỡ tại cảng, góp phần chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; hình thành đầu mối giao thương sản phẩm thủy sản khai thác trong nước và quốc tế.

- Tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của tàu cá trên biển và thông qua Hệ thống giám sát tàu cá (VMS).

4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ

- Tiếp tục triển khai điều tra đánh giá nguồn lợi thủy sản trên các vùng biển để cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở khoa học phục vụ công tác quản lý, sử dụng nguồn lợi thủy sản bền vững. Ứng dụng công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số trong cơ sở dữ liệu nguồn lợi thủy sản biển Việt Nam phục vụ quản lý.

- Tiếp tục triển khai, nâng cao hiệu quả các bản tin dự báo ngư trường cung cấp cho ngư dân khai thác trên biển phục vụ khai thác hải sản hiệu quả

- Đẩy mạnh, đổi mới công tác khuyến ngư theo hướng xã hội hóa, tăng cường sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp khoa học công nghệ để đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới đối với ngư cụ, kỹ thuật khai thác, hàm bảo quản, trang thiết bị bảo quản sản phẩm trên tàu cá.

5. Nâng cao hiệu quả của các cơ sở hậu cần nghề cá

- Xây dựng các trung tâm nghề cá lớn, tích hợp đa giá trị, tăng cường liên kết vùng, liên kết ngành để đáp ứng nhu cầu dịch vụ hậu cần, neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Thúc đẩy tổ chức mô hình chợ đầu mối thủy sản, chợ bán đấu giá sản phẩm hải sản để nâng cao giá trị.

6. Tăng cường công tác đảm bảo an toàn cho người và tàu cá

- Nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó và xử lý tình huống tai nạn, sự cố tàu cá. Định kỳ tổ chức diễn tập các phương án ứng phó sự cố tàu cá trong khu vực cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và phương án tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tàu cá trên biển, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi, an toàn giúp ngư dân an tâm sản xuất khai thác thủy sản.

- Tăng cường công tác phòng ngừa rủi ro và ứng phó khẩn cấp tai nạn tàu cá; thực hiện nghiêm túc công tác thống kê, báo cáo tình hình tai nạn tàu cá; tham gia điều tra, xác minh các nguyên nhân đối với các vụ việc có tính chất nghiêm trọng.

- Xây dựng kế hoạch để đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng, trình độ cho thuyền trưởng, thuyền viên, máy trưởng, thợ máy. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn ngư dân về chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới, hiện đại trong khai thác và bảo quản sản phẩm hải sản; vận hành, sử dụng các loại máy móc, trang thiết bị hiện đại trên tàu cá.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

a) Tiếp tục quán triệt, cụ thể hoá các chủ trương Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” đã đề ra.

b) Đề cao trách nhiệm của cấp ủy, các bộ, ngành, địa phương ven biển trong tăng cường công tác lãnh đạo, quán triệt, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, các quy định mới của Luật Thủy sản 2017; Quy hoạch/Chiến lược phát triển ngành và các nhiệm vụ giải pháp của Chương trình này đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành thủy sản.

c) Chỉ đạo các lực lượng Quân đội tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng, an ninh một cách hiệu quả, trong đó chú trọng khâu xây dựng, tổ chức lực lượng, nắm tình hình, tiến hành các hoạt động tuần tra, kiểm soát, thực thi pháp luật trên biển, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán trên biển; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên vùng biển được phân công, giúp ngư dân an tâm bám biển, nhất là những vùng biển xa, vùng giáp ranh, vùng ngư trường trọng điểm.

d) Kiên quyết xử lý các trường hợp tàu cá nước ngoài đánh bắt trái phép hải sản trên vùng biển của ta và ngư dân ta khai thác hải sản trái phép trên vùng biển nước ngoài. Xử lý nghiêm các vi phạm khác trong lĩnh vực khai thác thủy sản.

2. Giải pháp về chính sách, cơ chế thực hiện

a) Về chính sách

- Nghiên cứu, xây dựng đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phù hợp đồng thời với cơ chế thông thoáng, công khai, minh bạch để đảm bảo cá nhân, tổ chức tiếp cận nhanh hơn với các chính sách. Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực khai thác thủy sản.

- Khuyến khích phát triển và xã hội hóa các dịch vụ tư vấn, đăng kiểm, đào tạo nghề cho lao động khai thác thủy sản.

b) Về cơ chế thực hiện

- Cơ chế huy động nguồn lực

Khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các quốc gia tham gia hỗ trợ nguồn lực cho Chương trình. Nội dung hoạt động trong Chương trình sẽ được triển khai lồng ghép với các hoạt động của các Chương trình/Đề án khác khi có cùng tính chất và cùng đối tượng tác động, hoặc cùng một cơ quan triển khai.

- Cơ chế phối hợp

+ Tăng cường sự tham gia của ngư dân và các tổ chức đoàn thể có liên quan vào một số hoạt động của Chương trình; tăng cường phối hợp công tác giữa các cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

+ Tăng cường hiệp đồng, phối hợp của các lực lượng thực thi pháp luật trên biển đồng thời tham gia tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, đảm bảo an ninh, an toàn hàng hải.

+ Tăng cường phối hợp, hợp tác quốc tế của các lực lượng thực thi pháp luật trên biển với các nước trong khu vực, đặc biệt những quốc gia có biển liền kề, nhằm giải quyết nhanh chóng, hiệu quả những vi phạm pháp luật của ngư dân, tàu cá Việt Nam vi phạm vùng biển của quốc gia khác hoặc tàu cá, ngư dân nước ngoài vi phạm vùng biển Việt Nam, đảm bảo giữ vững môi trường hòa bình trên biển, mối quan hệ hợp tác giữa các quốc gia và bảo vệ tài sản, tính mạng của ngư dân.

3. Giải pháp về khoa học - công nghệ và khuyến ngư

- Rà soát, nghiên cứu xây dựng và ban hành các bộ TCVN, QCVN về ngư cụ, tàu cá, về điều kiện, môi trường làm việc nghỉ ngơi của người lao động.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, phương pháp tiên tiến để điều tra nguồn lợi và dự báo ngư trường.

- Nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao về thiết kế, sản xuất ngư cụ, phương pháp khai thác tiên tiến, thân thiện với môi trường để nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm; khuyến khích phát triển công nghiệp phụ trợ chế tạo dây, lưới, sợi, phao, chì... từng bước thay thế hàng ngoại nhập.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo quản sản phẩm và giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Nghiên cứu, ứng dụng các mẫu tàu mới phù hợp với khai thác hải sản khơi, tiến tới thay thế tàu vỏ gỗ bằng vật liệu phù hợp và các trang thiết bị thông tin hàng hải, khai thác để từng bước cơ giới hóa, hiện đại hóa các khâu trong quá trình khai thác hải sản.

- Tổ chức đẩy mạnh công tác khuyến ngư trong khai thác hải sản; các đơn vị, địa phương chủ động đặt hàng khuyến ngư; đẩy mạnh xây dựng các mô hình thí điểm để phổ biến, nhân rộng các mô hình phù hợp, hiệu quả cao.

4. Giải pháp về huy động vốn, kinh phí

Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí từ các nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước (vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp) bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của các bộ, ngành cơ quan trung ương và các địa phương; kinh phí lồng ghép triển khai từ các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Giáo dục nghề nghiệp, Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Kinh phí của các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia Chương trình; tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

5. Giải pháp về hợp tác và hội nhập quốc tế

- Tập trung chỉ đạo triển khai có hiệu quả Đề án phát triển nghề khai thác viễn dương và tổ chức đưa ngư dân đi khai thác hải sản ở vùng biển một số nước. Tăng cường đàm phán hợp tác khai thác hải sản với các nước để đưa tàu cá và ngư dân đi khai thác hải sản hợp pháp, phát triển nghề khai thác viễn dương. Nghiên cứu tổ chức đưa doanh nghiệp và ngư dân đi hợp tác khai thác, thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, nuôi trồng thủy sản với một số nước; phát triển nghề khai thác viễn dương ở các vùng biển quốc tế nhằm phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người dân, giảm thiểu, chấm dứt tình trạng tàu cá Việt Nam khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài, thúc đẩy hội nhập và phát triển hợp tác quốc tế.

- Tích cực tham gia trở thành thành viên chính thức hoặc có hợp tác với các tổ chức quản lý nghề cá trong và ngoài khu vực để thực hiện cam kết của Việt Nam với các tổ chức này trong việc tuân thủ các quy định quản lý nhằm mục tiêu phát triển nghề cá bền vững.

- Chủ động thúc đẩy hợp tác với các nước trong khu vực và các đối tác nhập khẩu thủy sản của Việt Nam sớm tháo gỡ “thẻ vàng” của EC liên quan đến IUU; tích cực hợp tác trao đổi thông tin với Bộ Thương mại, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ về các nỗ lực của ta trong chống khai thác IUU cũng như xem xét, đánh giá tương đương các quy định có liên quan của Hoa Kỳ và Việt Nam từ đó giảm thiểu nguy cơ bị các đối tác tiến hành điều tra, áp thuế.

- Tổ chức xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khai thác thủy sản.

- Tăng cường hợp tác nghề cá đa phương, tích cực tham gia các cuộc đàm phán trợ cấp nghề cá của WTO và phấn đấu có các chính sách phát triển nghề cá công bằng và hợp lý đối với nghề cá quy mô nhỏ của Việt Nam.

- Tranh thủ các nguồn tài trợ từ các Chính phủ, các tổ chức, cơ quan phát triển quốc tế để hỗ trợ vốn, kỹ thuật nhằm thực hiện được mục tiêu về quản lý và phát triển bền vững khai thác thủy sản.

- Tăng cường trao đổi đoàn công tác liên ngành tìm hiểu, học tập kinh nghiệm các nước và các quy định, hướng dẫn của quốc tế có liên quan.

6. Giải pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến cho các cấp, các ngành, các địa phương, doanh nghiệp, cơ sở, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, ngư dân thấy được tầm quan trọng và trách nhiệm của họ trong việc tham gia thực hiện Chương trình.

- Tăng cường và đa dạng hóa các hoạt động truyền thông, huấn luyện nghiệp vụ về nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất trong khai thác thủy sản gắn với đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản nhằm tác động từ thay đổi nhận thức đến ý thức và hành vi nhằm góp phần duy trì bền vững các kết quả của Chương trình.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách pháp luật có liên quan cho thuyền trưởng, chủ tàu của các đội tàu cá khai thác xa bờ nhằm nâng cao năng lực xử lý, khả năng vận dụng pháp luật khi có tranh chấp xảy ra trên biển

- Tổng kết, tuyên truyền các mô hình thí điểm tốt để nhân rộng ra toàn quốc.

V. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN

1. Dự án dự báo ngư trường phục vụ khai thác hải sản hiệu quả.

2. Dự án thí điểm gắn khai thác, dịch vụ nghề cá với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng tại cảng cá, làng chài, làng nghề truyền thống ven biển tại các tỉnh như Quảng Ninh, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Ngãi, Kiên Giang.

3. Dự án thí điểm thiết lập chợ đầu mối thủy sản, chợ bán đấu giá hải sản gắn với các cảng cá, trung tâm nghề cá của vùng, khu vực.

4. Dự án nâng cao thương hiệu, giá trị của hải sản Việt Nam.

5. Dự án nghiên cứu, chuyển giao công nghệ nâng cao hiệu quả khai thác, bảo quản sản phẩm.

6. Dự án xây dựng mô hình quản trị số hoạt động khai thác thủy sản ở Việt Nam.

(Các Dự án ưu tiên thực hiện Chương trình tại Phụ lục kèm theo)

VI. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Chương trình.

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, đầu tư cơ sở hạ tầng, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2030.

3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.

4. Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Là cơ quan chủ trì Chương trình có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình và định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá toàn diện việc thực hiện Chương trình.

b) Nghiên cứu, rà soát và cập nhật những nội dung phù hợp từ các quy định liên quan của các nước để đáp ứng các yêu cầu của thị trường nhập khẩu; nghiêm túc triển khai thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia là thành viên như Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982, Hiệp định các biện pháp quốc gia có cảng, Hiệp định thực thi các quy định Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển ngày 10 tháng 12 năm 1982 về Bảo tồn và quản lý đàn cá lưỡng cư và di cư xa.

c) Hàng năm, xây dựng kế hoạch triển khai các nhiệm vụ của Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao và tổng hợp kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước, gửi Bộ Tài chính để trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện Chương trình định kỳ từng giai đoạn, tổng kết Chương trình sau khi kết thúc.

2. Bộ Quốc phòng

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng ở các đảo, quần đảo; chỉ đạo các lực lượng thực thi pháp luật trên biển phối hợp, hiệp đồng tổ chức tuần tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động nghề cá trên biển theo Kế hoạch.

b) Chỉ đạo các lực lượng thực thi pháp luật trên biển như Hải quân, Cảnh sát Biển, Biên phòng tăng cường tuần tra, kiểm tra, giám sát theo chuyên đề hoạt động nghề cá trên biển, kịp thời tham gia hỗ trợ, bảo vệ an ninh, an toàn cho ngư dân trong quá trình hoạt động nghề cá trên biển; tổ chức tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ và hỗ trợ cho các hoạt động thủy sản trên các vùng biển và hải đảo.

3. Bộ Công an

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các nhiệm vụ về chống khai thác IUU thuộc trách nhiệm của Bộ Công an. Chỉ đạo lực lượng công an tại các địa phương đẩy mạnh phong trào toàn dân tố giác tội phạm trong đó có tội phạm tổ chức đánh bắt hải sản trái phép tại vùng biển nước ngoài.

b) Phối hợp nắm tình hình, biện pháp chống khai thác IUU của các quốc gia, vùng lãnh thổ để kịp thời tham mưu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét chỉ đạo các bộ, ngành liên quan và địa phương nghiên cứu, vận dụng triển khai thực hiện; chia sẻ cơ sở dữ liệu dân cư phục vụ quản lý lao động trên tàu cá.

4. Bộ Ngoại giao

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương liên quan tiến hành các biện pháp bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của ngư dân và doanh nghiệp Việt Nam.

b) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành và địa phương trong việc nghiên cứu, đề xuất triển khai công tác ký kết, gia nhập và thực hiện các thỏa thuận/điều ước quốc tế về hợp tác nghề cá, cung cấp thông tin liên quan đến việc ban hành các công ước, hiệp ước quốc tế về quản lý nghề cá trong khu vực và trên thế giới.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Phối hợp các địa phương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai Dự án thí điểm thiết lập một số điểm du lịch cộng đồng nghề cá ven biển tại các tỉnh.

b) Nghiên cứu quy hoạch hoặc đưa du lịch cộng đồng nghề cá tại các tỉnh, thành phố ven biển vào quy hoạch phát triển hệ thống du lịch quốc gia, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành có liên quan xây dựng, công bố tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực khai thác thủy sản, ưu tiên hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực; thẩm định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

b) Tăng cường định hướng đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, hỗ trợ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và áp dụng truy xuất nguồn gốc trong lĩnh vực khai thác thủy sản theo quan điểm, mục tiêu của Chương trình.

7. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp các địa phương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các hoạt động truyền thông về chống khai thác IUU.

b) Chỉ đạo định kỳ quảng bá, giới thiệu về ứng dụng khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật trong khai thác hải sản để nâng cao giá trị sản phẩm thủy sản; tăng cường thông tin trên hệ thống các đài truyền thanh cơ sở; xây dựng các chuyên đề, chuyên mục trên hệ thống báo in, báo điện tử và trên các diễn đàn mạng xã hội có uy tín.

8. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp triển khai Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển và hải đảo được phê duyệt tại Quyết định số 28/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2020 đảm bảo thống nhất đồng bộ, hiệu quả với Chương trình điều tra, đánh giá tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loài thủy sản trên phạm vi cả nước định kỳ 5 năm đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

9. Bộ Tài chính

Căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách trung ương, trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành và địa phương có liên quan liên quan, ưu tiên tổng hợp bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của ngân sách trung ương, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định cân đối, bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn để thực hiện Chương trình.

10. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành có liên quan cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển các dự án thuộc Chương trình theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định khác của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành có liên quan đề xuất giải pháp và huy động các nguồn lực đầu tư để triển khai Chương trình.

11. Các bộ, ngành liên quan

Các bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình.

12. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Tổ chức thực hiện Chương trình thông qua việc xây dựng và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển thủy sản trên địa bàn lãnh thổ và vùng biển thuộc địa phương quản lý và phù hợp với nội dung nhiệm vụ của các chương trình, điều kiện thực tế của địa phương.

b) Các tỉnh, thành phố chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, phê duyệt và triển khai Dự án ưu tiên thuộc Chương trình và các mô hình thí điểm phù hợp với tình hình và điều kiện của địa phương.

c) Chủ động, ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương đảm bảo cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình và có cơ chế chính sách cụ thể phù hợp với tình hình của địa phương để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững.

d) Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cấp và cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

đ) Ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn theo thẩm quyền và nhiệm vụ được giao.

e) Tổ chức giám sát, đánh giá và báo cáo thực hiện Chương trình trên địa bàn định kỳ, đột xuất theo quy định.

13. Các Hội, Hiệp hội nghề nghiệp

a) Hội Nghề cá Việt Nam nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách và biện pháp khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thành viên Hội đầu tư phát triển khai thác thủy sản gắn với bảo đảm sản xuất có hiệu quả và bảo vệ môi trường; đồng thời chủ động vận động, giáo dục các thành viên trong việc tăng cường quản lý chất lượng trong quá trình sản xuất, bảo đảm an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng và cho xuất khẩu, giữ vững uy tín và thương hiệu sản phẩm thủy sản Việt Nam.

b) Hội Chữ thập đỏ Việt Nam chủ trì, phối hợp tổ chức các hoạt động cơ bản về phòng ngừa và ứng phó thảm họa, khắc phục thiên tai bão lũ khu vực ven biển, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động nhân đạo do Hội tổ chức.

c) Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương trong việc xây chuỗi liên kết trong khai thác, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

14. Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị, xã hội thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai Chương trình.

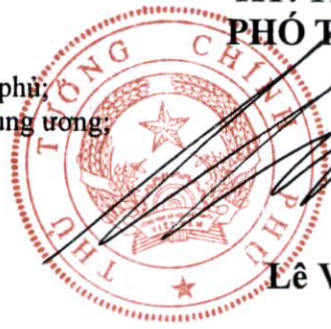
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Hội Chữ thập đỏ Việt Nam;
- Hội Nghề cá Việt Nam, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b). 106

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Văn Thành



Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN

(Kèm theo Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên Dự án	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
1	Dự án dự báo ngư trường phục vụ khai thác thủy sản hiệu quả.	Kịp thời hỗ trợ cho các tàu khai thác vùng khơi trong việc xác định ngư trường khai thác; giảm thiểu chi phí trong quá trình chạy tàu tìm đàn cá; tăng năng suất đánh bắt của các tàu và hiệu quả kinh tế trong khai thác	- Thu thập, cập nhật số liệu về các trường khí tượng - hải dương; nguồn lợi và nghề cá, sinh học, sinh thái nguồn lợi hải sản từ khảo sát, giám sát, nhật ký khai thác và viễn thám biển làm cơ sở xây dựng dự báo ngư trường khai thác. - Triển khai xây dựng dự báo ngư trường khai thác thủy sản hạn năm, hạn tháng, hạn 07 - 10 ngày, hạn 01 - 03 ngày, dự báo tức thời cho đội tàu khai thác xa bờ (theo nghề và đối tượng). - Nâng cấp hình thức phát báo thông tin, điều tra đánh giá hiệu quả bản tin dự báo ngư trường khai thác hải sản.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Bộ Tài nguyên và Môi trường - Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển	2022 - 2030

TT	Tên Dự án	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
			- Đầu tư, nâng cấp thiết bị phục vụ dự báo ngư trường khai thác thủy sản.			
2	Dự án thí điểm thiết lập một số điểm du lịch cộng đồng nghề cá ven biển tại các tỉnh như Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Ngãi, Kiên Giang.	Thí điểm phát triển du lịch cộng đồng nghề cá ven biển góp phần bảo tồn, phát huy giá trị truyền thống, nhất là bản sắc văn hóa của các vùng miền ven biển, góp phần nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần, vật chất của người dân đồng thời thay đổi nhận thức về sinh kế để giảm nghèo bền vững	- Xây dựng mô hình ít nhất 01 mô hình thí điểm du lịch cộng đồng tại các làng (xã) ven biển tại mỗi địa phương trong giai đoạn 2021 - 2025 và nhân rộng ra các tỉnh, thành phố ven biển có điều kiện phù hợp. - Chuyển đổi một số tàu cá khai thác sang phục vụ phát triển du lịch. - Hỗ trợ quy hoạch, đầu tư hạ tầng tại các điểm phát triển du lịch cộng đồng; hỗ trợ xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực du lịch; hỗ trợ đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá du lịch cộng đồng.	Ủy ban nhân dân các tỉnh Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Ngãi, Kiên Giang	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	2022 - 2030
3	Dự án thí điểm thiết lập chợ đầu mối thủy	Thí điểm xây dựng chợ đầu mối thủy sản, chợ	- Nghiên cứu, tham qua học tập mô hình tổ chức hoạt động Chợ đầu mối thủy sản tập trung, Chợ	Ủy ban nhân dân các tỉnh,	Bộ Nông nghiệp và Phát triển	2022 - 2030

TT	Tên Dự án	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
	sản, chợ bán đầu giá hải sản gắn với các cảng cá, trung tâm nghề cá của vùng, khu vực.	đầu giá thủy sản tại một số địa phương nhằm góp phần nâng cao giá trị của sản phẩm thủy sản khai thác	bán đầu giá sản phẩm hải sản khai thác tại một số nước. - Xây dựng Đề án thí điểm tổ chức chợ đầu mối, chợ bán đầu giá hải sản tại một số cảng cá, trung tâm nghề cá của vùng, khu vực. - Tổng kết, đánh giá nhân rộng mô hình thí điểm.	thành phố ven biển	nông thôn, Bộ Công Thương	
4	Dự án nâng cao thương hiệu, giá trị của hải sản Việt Nam	Xây dựng thương hiệu, giá trị của hải sản Việt Nam thông qua triển khai một số các hoạt động như: (i) Triển khai dự án cải thiện nghề khai thác (FIP) đối với một số sản phẩm để tiến tới được chứng nhận dán nhãn MSC đối với các sản phẩm đơn lẻ; (ii) Chứng nhận đạt Tiêu chuẩn cung cấp có trách nhiệm toàn cầu (IFFO RS) đối với sản phẩm thứ cấp như dầu cá, bột cá	- Địa phương chọn sản phẩm đặc thù, phổ biến và có nhiều doanh nghiệp đang chế biến, xuất khẩu để xây dựng các dự án FIP. - Đăng ký dán nhãn MSC đối với sản phẩm - Thuê chuyên gia tư vấn đánh giá.	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2030

TT	Tên Dự án	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
5	Dự án nghiên cứu, chuyển giao công nghệ nâng cao hiệu quả khai thác, chất lượng bảo quản sản phẩm.	Cải tiến ngư cụ, tăng tỉ lệ cơ giới hóa, tự động hóa đối với các nghề khai thác ... nhằm giảm số lượng lao động trên tàu cá Cải tiến hàm bảo quản để nâng cao chất lượng sản phẩm	Đặt hàng đơn vị nghiên cứu, sản xuất theo Chương trình khoa học công nghệ thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Khoa học và Công nghệ, các đơn vị nghiên cứu, sản xuất	2022 - 2030
6	Dự án xây dựng mô hình quản trị số hoạt động khai thác thủy sản ở Việt Nam.	Xây dựng được mô hình quản trị số hoạt động khai thác thủy sản ở Việt Nam đồng bộ, tương thích với nền tảng công nghệ thông tin của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và của các bộ, ngành, địa phương có liên quan nhằm quản lý hoạt động khai thác thủy sản Việt Nam đồng bộ, khách quan, minh bạch, kịp thời phục vụ phát triển nghề cá bền vững, có trách nhiệm, truy xuất được và góp phần tháo gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” của Châu Âu, thực hiện lộ trình chuyển đổi số ngành nông nghiệp.	- Khảo sát, đánh giá hiện trạng năng lực công nghệ thông tin ngành thủy sản tại 28 tỉnh, thành phố ven biển - Xây dựng các chuẩn thông tin phục vụ quản lý - Thiết kế hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm ứng dụng phục vụ quản lý hoạt động khai thác thủy sản - Nâng cấp, điều chỉnh phần mềm và cơ sở dữ liệu hiện có - Phát triển cơ sở dữ liệu và phần mềm ứng dụng mới - Đầu tư hạ tầng thiết bị công nghệ thông tin - Chuẩn hóa, số hóa và nhập dữ liệu và cơ sở dữ liệu - Đào tạo, tập huấn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển	2022 - 2025